

Số: /BC-CCKL

Bình Định, ngày tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO
Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện
Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT

Kính gửi: Cục Kiểm lâm

Thực hiện Văn bản số 47/KL-ĐT ngày 27/01/2022 của Cục Kiểm lâm về việc tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT (gọi tắt là Thông tư số 27), cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN THÔNG TƯ SỐ 27

1. Công tác ban hành văn bản chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm đã ban hành các Văn bản số 1278/CCKL-TTPC ngày 25/12/2018 về việc cập nhật và triển khai Thông tư số 27, Văn bản số 112/CCKL-TTPC ngày 14/02/2019 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư số 27; đồng thời chỉ đạo các hạt kiểm lâm tổ chức tuyên truyền và triển khai rộng rãi nội dung Thông tư số 27 đến các cấp chính quyền địa phương và nhân dân trên địa bàn.

2. Tình hình phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ thi hành

a) Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật hàng năm, Chi cục Kiểm lâm đã xây dựng Kế hoạch và chỉ đạo các hạt kiểm lâm xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật, trong đó có Thông tư số 27. Thời gian qua, Chi cục Kiểm lâm đã tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả.

b) Chi cục Kiểm lâm đã tổ chức Hội nghị phổ biến, quán triệt Thông tư số 27 gắn với triển khai một số nghị định xử phạt vi phạm hành chính cho đội ngũ công chức, lao động hợp đồng trong lực lượng kiểm lâm, các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng, các Công ty TNHH Lâm nghiệp và các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản biết để chấp hành, đã góp phần giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật về Lâm nghiệp.

c) Tổ chức lớp tập huấn, hướng dẫn việc áp dụng các quy định pháp luật trong quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản theo Thông tư số 27 cho công chức, lao động hợp đồng của đơn vị, cụ thể: Tổ chức 05 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ

xử lý vi phạm hành chính cho công chức, lao động hợp đồng Kiểm lâm và cán bộ chuyên trách bảo vệ rừng ở các công ty Lâm nghiệp, Ban Quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng An Toàn có 312 người tham dự.

d) Chi cục Kiểm lâm thường xuyên hướng dẫn nghiệp vụ bằng văn bản và trao đổi trực tiếp các vấn đề liên quan đến quy định quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản giữa Phòng Thanh tra, pháp chế và các hạt kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy, chữa cháy rừng, từ đó đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là đối với những vụ việc phức tạp.

3. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện

a) Hằng năm, Chi cục Kiểm lâm xây dựng Kế hoạch tổ chức kiểm tra công tác Thanh tra, pháp chế ở các đơn vị trực thuộc (Hạt, Đội), trong đó có nội dung kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản theo Thông tư số 27. Qua kiểm tra các đơn vị thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 27. Chi cục Kiểm lâm đã chỉ đạo Phòng Thanh tra, pháp chế thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn tại các đơn vị trực thuộc nhằm để chấn chỉnh kịp thời nếu có thiếu sót xảy ra.

b) Định kỳ mỗi năm, các hạt kiểm lâm xây dựng Kế hoạch kiểm tra thường xuyên và trình Chi cục Kiểm lâm phê duyệt theo quy định tại Điều 39 Thông tư số 27. Trên cơ sở quyết định phê duyệt, các hạt kiểm lâm tổ chức kiểm tra các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. Qua kiểm tra, hầu hết các tổ chức, cá nhân đều thực hiện và chấp hành đầy đủ đúng theo quy định tại Thông tư 27.

4. Đánh giá chung về kết quả thực hiện

a) Hoạt động khai thác thực vật rừng thông thường, động vật rừng thông thường: không có.

b) Hồ sơ lâm sản hợp pháp, kiểm tra truy xuất nguồn gốc lâm sản:

- Tổng số đợt kiểm tra: 34 đợt.

- Khối lượng gỗ: 9.199.155 m³ gỗ tròn, xẻ các loại từ nhóm I-VII.

Nhìn chung, việc kiểm tra truy xuất nguồn gốc lâm sản được triển khai đúng theo quy định tại Thông tư số 27.

c) Xác nhận bảng kê lâm sản:

Tổng số Bảng kê lâm sản đã xác nhận: 191 bảng kê lâm sản, trong đó:

- Gỗ khai thác từ rừng tự nhiên trong nước chưa chế biến gồm: 12 bảng kê lâm sản; khối lượng: 113,185m³ gỗ từ nhóm II đến nhóm VII;

- Thực vật rừng ngoài gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và Phụ lục CITES khai thác từ rừng tự nhiên trong nước chưa chế biến: không có.

- Động vật rừng và bộ phận, dẫn xuất của động vật rừng có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên hoặc gây nuôi trong nước gồm: 179 bảng kê lâm sản; số lượng: 2.194 cá thể (nguồn gốc gây nuôi trong nước).

- Động vật rừng, sản phẩm của động vật rừng nhập khẩu thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm: không có.

Việc xác nhận Bảng kê lâm sản của cơ quan có thẩm quyền được thực hiện đầy đủ, đúng trình tự theo quy định tại Thông tư số 27.

d) Đánh dấu mẫu vật: không có.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Khó khăn

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa có hướng dẫn cụ thể trong việc đánh dấu mẫu vật; về cách thức quản lý, ban hành tem, mã số, mã vạch nên việc kiểm tra truy xuất nguồn gốc hợp pháp của mẫu vật và hướng dẫn quy trình kiểm tra đánh dấu mẫu vật đối với sản phẩm gỗ hoàn chỉnh khi mua, bán quy định tại các Điều 33, 34, 35. Nếu chủ lâm sản tự thực hiện, tự quyết định về chất liệu, kích thước, hình thức của nhãn đánh dấu trong quá trình lưu thông, tiêu thụ thì đây là kẽ hở để chủ lâm sản trà trộn lâm sản có nguồn gốc không hợp pháp gây rất nhiều khó khăn cho lực lượng chức năng khi kiểm tra, xử lý vi phạm.

b) Hồ sơ nguồn gốc lâm sản ban đầu khi mua, bán, vận chuyển không được trừ dần tại hồ sơ gốc nên chủ lâm sản lợi dụng để đưa lâm sản có nguồn gốc trái pháp luật vào hợp thức hóa, quay vòng hồ sơ. Có trường hợp qua thông tin và nhận biết gỗ bằng mắt thường là gỗ khai thác từ rừng tự nhiên trong nước nhưng chủ lâm sản xuất trình hồ sơ nguồn gốc gỗ là gỗ nhập khẩu các năm trước, sau đó chủ lâm sản chế biến và lập bảng kê lâm sản cho phù hợp với hồ sơ gốc và bán cho tổ chức, cá nhân khác (*theo Điều 31 quy định về hồ sơ lâm sản tại cơ sở chế biến, mua bán gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ; gây nuôi, chế biến mẫu vật các loài động vật rừng*) thì chủ lâm sản chỉ cân bằng kê lâm sản và hồ sơ nguồn gốc lâm sản hợp pháp quy định tại Thông tư số 27 nên việc xác minh, chứng minh, truy xuất nguồn gốc lâm sản trong mua bán, vận chuyển, cất giữ lâm sản là rất khó thực hiện.

c) Việc không xác nhận bảng kê lâm sản đối với gỗ khai thác từ rừng tự nhiên trong nước (đã qua chế biến) còn nhiều bất cập; hồ sơ lâm sản hợp pháp trong mua bán, vận chuyển chỉ có bảng kê lâm sản và bản sao hồ sơ nguồn gốc cho nên đối tượng lợi dụng hồ sơ để xoay vòng và hợp thức hóa lâm sản, cơ quan chức năng khó kiểm soát.

d) Việc hộ gia đình, cá nhân có hoạt động mua, bán gỗ rừng tự nhiên không phải đối tượng buộc lập sổ nhập, xuất lâm sản cho nên công tác quản lý gặp khó khăn.

đ) Việc khai thác rừng trồng sản xuất thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân không báo cáo cho cơ quan chức năng đã gây khó khăn trong quá trình quản lý, kiểm soát lâm sản.

2. Vướng mắc

a) Thông tư số 27 không quy định về chế độ báo cáo định kỳ đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại Thông tư, do đó gây khó khăn trong quá trình kiểm tra, giám sát, truy xuất nguồn gốc lâm sản và

tổng hợp báo cáo cho cấp có thẩm quyền để quản lý, hoạch định phát triển lâm nghiệp.

b) Một số quy định tại Thông tư số 27 còn bất cập, chưa phù hợp trong việc thực hiện, cụ thể:

- Điều 2 về đối tượng áp dụng được quy định: Hộ kinh doanh trong nước là tổ chức là chưa phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Điều 5 về Bảng kê lâm sản: điểm a khoản 1 quy định: “*a) Do chủ lâm sản lập sau khai thác; khi mua bán, vận chuyển, xuất lâm sản trong cùng một lần và trên một phương tiện vận chuyển; khi lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu lâm sản theo quy định hoặc do người có thẩm quyền lập khi lập hồ sơ xử lý vi phạm;*”. Cụm từ: “*..khi lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu lâm sản..*” không còn phù hợp bởi lý do: Tại mục 2 Chương II Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam đã quy định rõ về hồ sơ xuất khẩu.

- Điều 7 về xác nhận bảng kê lâm sản: Chưa quy định rõ về tỷ lệ kiểm tra thực tế của lô gỗ trước khi xác nhận là chưa phù hợp. Vì trong thực tế, nếu 01 lô gỗ có khối lượng lớn thì việc kiểm tra thực tế, đo, tính khối lượng trước khi xác nhận mất rất nhiều thời gian gây rất nhiều khó khăn cho Cơ quan có thẩm quyền xác nhận bảng kê lâm sản; đồng thời bổ sung tỷ lệ kiểm tra thực tế của lô gỗ trước khi xác nhận để đồng nhất với tỷ lệ kiểm tra thực tế của lô gỗ được quy định tại Điều 9 Nghị định số 102.

- Điều 9 về khai thác tận thu gỗ loài thực vật thông thường từ rừng tự nhiên quy định: “*1. Hồ sơ khai thác: Phương án khai thác tận thu gỗ theo mẫu số 08 kèm theo Thông tư này ...*”. Tại điểm a, khoản 4 (mẫu số 8) quy định: “*Đối với tận dụng/tận thu gỗ rừng tự nhiên phải đo đếm cụ thể từng khúc, lóng, gỗ, có báo cáo diện tích, địa danh, khối lượng dự kiến khai thác theo mẫu quy định tại Mẫu số 06 kèm theo Thông tư này*”. Tuy nhiên, Mẫu số 06 kèm theo Thông tư là mẫu Sổ theo dõi xác nhận Bảng kê lâm sản, không có các mục để kê khai theo quy định nêu trên là chưa phù hợp với thực tế.

- Điều 15 về Khai thác rừng trồng thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân quy định: “*1. Đối tượng khai thác: Gỗ rừng trồng, gỗ vườn và cây trồng phân tán thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân, bao gồm cả gỗ được trồng theo các chính sách, dự án hỗ trợ của Nhà nước; thực vật rừng ngoài gỗ và dẫn xuất của thực vật rừng.*

2. Trình tự thực hiện: Chủ rừng tự quyết định việc khai thác. Sau khai thác, chủ lâm sản lập bảng kê lâm sản.”. Chưa quy định cụ thể trách nhiệm của chủ rừng trong quá trình khai thác rừng trồng. Do đó, gây rất nhiều khó khăn cho các cơ quan chức năng trong việc truy xuất nguồn gốc lâm sản, công tác theo dõi diễn biến rừng, thống kê và phát triển rừng.

- Về mẫu biểu: Mẫu biểu số 05 (mẫu biên bản kiểm tra lâm sản) kèm theo Thông tư số 27 quy định có “*người làm chứng*” sửa lại “*người chứng kiến*” cho đồng nhất giữa mẫu biểu sử dụng trong Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định một số mẫu biểu trong xử phạt vi phạm hành chính và Thông tư; đồng thời Thông tư số 27 không quy định mẫu Quyết định kiểm tra điều này cũng gây nhiều lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Thông tư số 27 nêu trên, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư số 27 cần tập trung các vấn đề như sau:

1. Quy định chung

a) Sửa đổi Điều 2 về đối tượng áp dụng để phù hợp với Điều 2 Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp.

b) Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 5: Bỏ cụm từ “*khi lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu lâm sản*” không còn phù hợp bởi lý do: Tại mục 2 Chương II Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam đã quy định rõ về hồ sơ xuất khẩu.

c) Sửa đổi, bổ sung Điều 6: Bổ sung đối tượng xác nhận bảng kê lâm sản là gỗ khai thác từ rừng tự nhiên trong nước (đã qua chế biến), nhằm quản lý, kiểm soát gỗ khai thác tự nhiên trong nước.

d) Sửa đổi, bổ sung Điều 7: Quy định rõ về tỷ lệ kiểm tra thực tế của lô gỗ trước khi xác nhận 20% để đồng nhất theo quy định tại Nghị định số 102.

2. Trình tự thủ tục khai thác lâm sản

Sửa đổi, bổ sung Điều 15: Quy định cụ thể trách nhiệm của chủ rừng trong quá trình khai thác rừng trồng nhằm để các cơ quan chức năng thực hiện tốt công tác quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản, công tác theo dõi diễn biến rừng, thống kê và phát triển rừng.

3. Quy định về hồ sơ lâm sản hợp pháp

Bổ sung cụm từ “*cá nhân*” sau cụm từ “*tổ chức*” tại Điều 30 Thông tư số 27 nhằm quản lý tốt các đối tượng có hoạt động chế biến, mua, bán, cất giữ lâm sản, gây nuôi, chế biến mẫu vật các loài động vật rừng và trong kiểm tra, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

4. Đánh dấu mẫu vật

Sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về cách thức quản lý, ban hành tem, mã số, mã vạch để kiểm tra truy xuất nguồn gốc hợp pháp của lâm sản và hướng dẫn quy trình kiểm tra đánh dấu mẫu vật đối với sản phẩm gỗ hoàn chỉnh khi mua, bán tránh trường hợp chủ lâm sản lợi dụng việc tự quyết định về chất liệu, kích thước,

hình thức của nhãn đánh dấu trong quá trình lưu thông, tiêu thụ lâm sản để trà trộn lâm sản có nguồn gốc không hợp pháp.

5. Kiểm tra truy xuất nguồn gốc lâm sản

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 40 cần quy định thống nhất mẫu Sổ theo dõi thông tin và trách nhiệm quản lý để triển khai thực hiện.

6. Chế độ báo cáo và tổ chức thực hiện

a) Bổ sung quy định chế độ báo cáo đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến Thông tư này thực hiện chế độ báo cáo định kỳ quý, năm và mẫu báo cáo để tổ chức thực hiện.

b) Bổ sung quy định về trách nhiệm ứng dụng khoa học công nghệ để thiết lập hệ thống quản lý chế biến gỗ, thông tin dữ liệu đầu vào, thông tin dữ liệu sản phẩm, đánh dấu mẫu vật, liên thông cơ sở dữ liệu giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

7. Biểu mẫu kèm theo

a) Sửa đổi mẫu số 05 (biên bản kiểm tra) áp dụng thống nhất với mẫu biểu sử dụng Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021;

b) Sửa đổi Mẫu số 8 (Phương án khai thác, tận dụng/tận thu) để phù hợp với yêu cầu thực tế.

c) Bổ sung Mẫu Quyết định kiểm tra để áp dụng trong quá trình kiểm tra kiểm soát lâm sản.

(Kèm theo Phụ biểu tổng hợp những đề xuất cụ thể cần sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 27)

Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Định kính báo cáo Cục Kiểm lâm biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CCKL;
- Lưu: VT, TTPC.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Anh Nguyên